

Bản án số: 586/2019/DS-ST

Ngày: 27 - 11 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Địa chỉ: đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N, trú tại: đường T, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2886/UQ-HCM.KHDN2 ngày 23 tháng 5 năm 2019) có mặt.

2. Bị đơn: Bà T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Đường C, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Ông N là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã cấp tín dụng cho Bà T vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bên cho vay)

và Bà T (bên vay). Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 chiếc xe ô tô Ford. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.

Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay ưu đãi áp dụng là 7,5%/năm và được cố định trong 12 tháng kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Sau 12 tháng, lãi suất cho vay áp dụng bằng lãi suất huy động Việt Nam đồng kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau (+) 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của loại sản phẩm cho vay tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất huy động tiền gửi của bên cho vay trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc và lãi: Hàng tháng. Thời hạn trả nợ gốc: Được chia làm 60 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng), 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 7.500.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/01/2015, kỳ cuối cùng trả 7.500.000 đồng vào ngày đáo hạn của khoản vay.

Đảm bảo khoản vay, Bà T đã thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Ford Ecosport, 05 chỗ, màu sơn: Trắng, biển số: 51F-013.04, số máy: UEJA01022, số khung: RL05TSBAMERR01022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1354/NHNT-TN/14 ngày 25/11/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bên nhận thế chấp) và Bà T (bên thế chấp), hợp đồng không có công chứng chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/11/2014. Tài sản thế chấp do bà Trinh khai thác và sử dụng, Ngân hàng giữ bản chính Giấy đăng ký xe ô tô biển số 51F.013.04 (biên bản giao nhận ngày 09/02/2015).

Bà Trinh đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh giải ngân số tiền vay 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 25/11/2014 theo hình thức chuyển khoản. Thực hiện hợp đồng, bà Trinh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 305.091.736 đồng và một phần tiền nợ lãi là 91.312.673 đồng. Do bà Trinh vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi, do đó Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trinh có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 179.817.260 đồng, trong đó nợ gốc: 144.908.264 đồng, tiền lãi trong hạn: 29.032.691 đồng, lãi quá hạn: 5.876.305 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2019 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Trinh thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp bà Trinh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu: Ford Ecosport, màu trắng, 05 chỗ ngồi, biển số: 51F-013.04, số khung: RL05TSBAMERR01022, số máy: UEJA01022 của bà Trinh để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý, phát mại tài sản thế chấp không đủ trả hết tổng số tiền vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiếp tục kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Trinh để thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trinh vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc 144.908.264 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bà T trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Theo kết quả xác minh của Công an Phường 05, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 686/51/3 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 05, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hiện nhà đã bán từ năm 2013 đến nay không còn thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên, hiện đi đâu làm gì địa phương không nắm”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Bà T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà T.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Xét thấy trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

Đối với tài sản thế chấp chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Ford Ecosport, 05 chỗ, màu sơn: Trắng, biển số: 51F-013.04, số máy: UEJA01022, số khung: RL05TSBAMERR01022, theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp do bên thế chấp (Bà T) quản lý và khai thác sử dụng. Do bị đơn vắng mặt nên không xác định được chiếc xe ô tô, vì vậy Tòa án không thực hiện được thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

[3] Hợp đồng cấp tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”. Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó*”. Như vậy, khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Việc áp dụng về thời hiệu cũng như nghĩa vụ trả nợ nếu có sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100112437, đăng ký lần đầu: Ngày 02 tháng 6 năm 2008 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 16 tháng 12 năm 2016 thì Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là tổ chức tín dụng. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Bà T đã giao kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014, hợp đồng được các bên xác định là tự nguyện thỏa thuận, ký kết phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005. Hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124, Điều 401 của Bộ luật dân sự 2005. Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam nên được xác

định là hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.2] Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Bà T, theo đó bà Trinh được Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà Trinh vào ngày 25/11/2014 thông qua hình thức chuyển khoản theo Giấy đề nghị rút vốn kiêm giấy nhận nợ số 01 ngày 25/11/2014, với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Lịch trả nợ gốc và lãi: Hàng tháng. Nợ gốc được chia làm 60 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng), 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 7.500.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/01/2015, kỳ cuối cùng trả 7.500.000 đồng vào ngày đáo hạn của khoản vay. Thực hiện hợp đồng, bà Trinh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 305.091.736 đồng và một phần tiền nợ lãi, sau đó bà Trinh đã không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy, với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 144.908.264đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám ngàn hai trăm sáu mươi bốn) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu trả nợ lãi: Theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay ưu đãi áp dụng là 7,5%/năm và được cố định trong 12 tháng kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Sau 12 tháng, lãi suất cho vay áp dụng bằng lãi suất huy động Việt Nam đồng kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau (+) 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của loại sản phẩm cho vay tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất huy động tiền gửi của bên cho vay trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 1, Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước nên được chấp nhận. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được một phần tiền lãi là 91.312.673 đồng. Như vậy, tiền lãi bị đơn còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 34.908.996đ (Ba mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám ngàn chín trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó lãi trong hạn: 29.032.691 đồng và lãi quá hạn: 5.876.305 đồng.

[4.4] Tổng cộng nợ gốc và tiền nợ lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn: 144.908.264 đồng + 34.908.996 đồng = 179.817.260đ (Một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm mười bảy ngàn hai trăm sáu mươi) đồng. Xét thấy số tiền nợ

này, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, việc nguyên đơn yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1354/NHNT-TN/14 ngày 25/11/2014 được các bên giao kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005, xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 6 và Điều 7 Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ khi đến hạn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Ford Ecosport, 05 chỗ, màu sơn: Trắng, biển số: 51F-013.04, số máy: UEJA01022, số khung: RL05TSBAMERR01022 đứng tên Bà T trong trường hợp bà Trinh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 351 và Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

[7.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 8.990.863đ (Tám triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

[7.2] Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.196.475đ (Bốn triệu một trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0038740 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122; 124; 389; 401 và 405 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

1.1. Buộc Bà T **phải** thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc: 144.908.264đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám ngàn hai trăm sáu mươi bốn) đồng và khoản tiền lãi trong hạn: 29.032.691đ (Hai mươi chín triệu không trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi một) đồng, lãi quá hạn: 5.876.305đ (Năm triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm lẻ năm) đồng; tổng cộng là 179.817.260đ (Một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm mười bảy ngàn hai trăm sáu mươi) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 kèm Giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ số 01 ngày 25/11/2014, tính đến ngày 27/11/2019. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 2142/OTO-FOR/14CD ngày 25/11/2014 kèm Giấy đề nghị rút vốn kèm giấy nhận nợ số 01 ngày 25/11/2014.

1.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ sở hữu tài sản bảo đảm cho chủ tài sản bảo đảm (Bà T), gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 029173 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2014 đứng tên Bà T ngay khi bà Trinh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.4. Trường hợp Bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Ford Ecosport, 05 chỗ, màu sơn: Trắng, biển số: 51F-013.04, số máy: UEJA01022, số khung: RL05TSBAMERR01022 đứng tên Bà T để thu hồi nợ. Sau khi xử lý phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thì bà Trinh tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Bà T đối với Ngân hàng thì bà Trinh được nhận lại phần giá trị còn lại của tài sản đã phát mãi.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.990.863đ (Tám triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng. Bà Trinh chưa nộp án phí.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 4.196.475đ (Bốn triệu một trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0038740 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

Mục 1.4 và tiến hành thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính